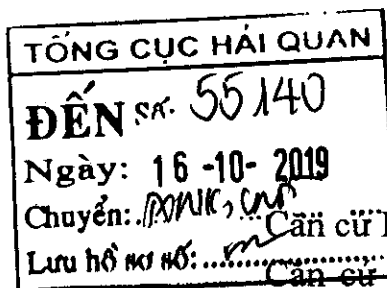


Số: 421 /TB-KĐ1

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2019



THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

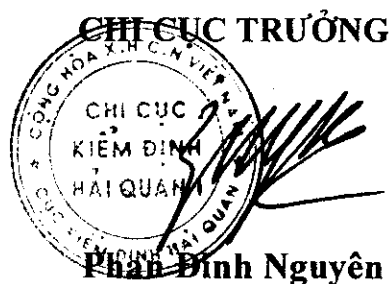
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định hải quan 1 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Dung dịch Sodium fatty acid Collector VF-06 (chất hoạt động bề mặt, dùng trong quá trình tuyển quặng, mới 100% hàng do TQSX).
2. Tờ khai hải quan: Số 102718630234/A11, đăng ký ngày 25 tháng 6 năm 2019.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty CP Uni - resources.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Cửa khẩu Lào Cai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 36/HQCKLC-TTHHXNK ngày 26 tháng 6 năm 2019.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 265/KĐ1-NV ngày 01 tháng 7 năm 2019.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Trọng Tú.
8. **Kết quả phân tích:** Mẫu yêu cầu phân tích là chế phẩm làm sạch chứa chất hoạt động bề mặt anionic, dạng lỏng, chưa đóng gói bán lẻ.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: **3402.90.12**
(Phân loại theo TBKQPL số 4017/TB-TCHQ ngày 09 tháng 07 năm 2018 của Tổng cục Hải quan).*W/*

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT.



Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số 424 /TB-KĐ1

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2019

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐẾN S. 55140 ...

Ngày: 16-10-2019

Chuyển: DANH, C. 00 ...

Lưu hồ sơ số: Căn

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

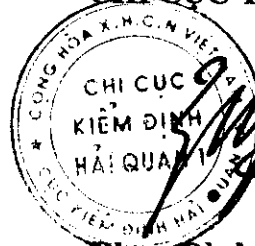
Chi cục Kiểm định hải quan 1 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Gạch gốm lát sàn, mã 6A193, đã tráng men, có chống trơn, KT 600 x 600 x 9mm, độ hút ẩm nước dưới 0.5% trọng lượng, màu trắng, 4 viên/hộp, không có hoa văn. NSX: FOSHAN CERA POWER CERAMICS, mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 102752737513/A12 đăng ký ngày 11 tháng 7 năm 2019.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Hiếu Anh.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 40/NV/01E1 ngày 16 tháng 7 năm 2019.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 313/KĐ1-NV ngày 31 tháng 7 năm 2019.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Phạm Chí Kiên.
8. **Kết quả phân tích:** Mẫu yêu cầu phân tích là gạch ốp lát bằng gốm dạng tấm, đã tráng men, kích thước (600 x 600 x 9)mm (dài x rộng x dày), loại có độ hút nước không vượt quá 0,5% tính theo trọng lượng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: **6907.21.94**
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 4466/TB-TCHQ ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website Hải quan; Website KĐHQ;
- Lưu: VT.

CHI CỤC TRƯỞNG



Phan Đình Nguyên

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 425 /TB-KĐ1

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2019

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐẾN S.K. ...
Ngày: 16 -10- 2019
Chuyên: DANH MỤC, NHẬP CÁN CỨ
Lưu hồ sơ số:CÁN CỨ

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

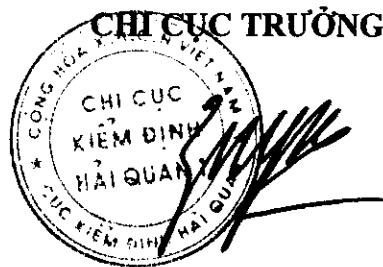
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định hải quan 1 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Dầu parafin công nghiệp, dùng trong sản xuất hạt nhựa. Công dụng: Bôi trơn sản phẩm trong quá trình sản xuất hạt phụ gia nhựa. Hàng mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 102742595321/A12 đăng ký ngày 06 tháng 7 năm 2019.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa Hữu Nghị.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Phú Thọ.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 07/GĐ-HQPT ngày 19 tháng 7 năm 2019.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 306/KĐ1-NV ngày 26 tháng 7 năm 2019.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Phạm Chí Kiên.
8. **Kết quả phân tích:** Mẫu yêu cầu phân tích là chế phẩm chứa trên 70% khối lượng là dầu khoáng nguồn gốc dầu mỏ, thuộc phân đoạn dầu nặng, dạng lỏng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: **2710.19.90**
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 6788/TB-TCHQ ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website Hải quan; Website KĐHQ;
- Lưu: VT.



Phan Đình Nguyên

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 426 /TB-KĐ1

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2019

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐẾN SA: ...
Ngày: 16-10-2019
Chuyên: ĐƠN NG. CÁI Căn cứ
Lưu hồ sơ số: Căn cứ

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định hải quan 1 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Dầu bôi trơn thành phẩm Daphne Alpha Cool CS Drum 200l, hàm lượng bitum trên 70%, đóng gói 200 lít/thùng, hàng mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 102780609850/H11 đăng ký ngày 30 tháng 7 năm 2019.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kiêm biên bản lấy mẫu: Số 49/HQNB-HHXNK ngày 01 tháng 8 năm 2019.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 317/KĐ1-NV ngày 02 tháng 8 năm 2019.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Phạm Chí Kiên.
8. **Kết quả phân tích:** Mẫu yêu cầu phân tích là chế phẩm bôi trơn có chứa dầu khoáng, hàm lượng nhỏ hơn 70% theo khối lượng, không chứa dầu silicon, dạng lỏng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: **3403.19.19**
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 6306/TB-TCHQ ngày 06 tháng 7 năm 2016 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website Hải quan; Website KĐHQ;
- Lưu: VT.



Phan Đình Nguyên

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 427 /TB-KĐ1

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2019

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐẾN *CK* ..

Ngày: 16-10-2019

Chuyên: DANH MỤC, CÁN CỨ

Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của
Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải
quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để
kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập
khẩu; Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính
về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định hải quan 1 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu
hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Chất trợ lắng dạng nguyên sinh dùng cho công nghiệp
xử lý nước thải, Polyacrylamide A1400, 25kg/bao; xuất xứ Cn; hàng mới
100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 102793497111/A12 đăng ký ngày 02 tháng 8 năm 2019.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần XNK Hóa chất và Thiết
bị Kim Ngưu.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Hòa Lạc.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 31/PTPL-NV ngày 13
tháng 8 năm 2019.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 340/KĐ1-NV ngày 20 tháng 8 năm 2019.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Phạm Chí Kiên.
8. **Kết quả phân tích:** Mẫu yêu cầu phân tích là polyacrylamit nguyên sinh,
dạng hạt.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 3906.90.99.
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 1449/TB-TCHQ ngày 17
tháng 02 năm 2014 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website Hải quan; Website KĐHQ;
- Lưu: VT.



Phan Đình Nguyên

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: **428** /TB-KĐ1

Hà Nội, ngày **10** tháng 10 năm 2019

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐẾN CC. ...

Ngày: **16-10-2019**

Chuyển: *ĐVN, CN*

Lưu hồ sơ số: *.....*

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số đề xuất

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của

Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Kiểm định, phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tổng cục Hải quan, Chi cục Kiểm định hải quan 1 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Viên ngậm Manukan Cinnamon giúp giảm ho. Hộp 16 viên (1 viên = 3,5g). LOT: 370319, DATE: 03.2022. Hàng mới 100% do công ty Alba thymet sp.z o.o sản xuất.
2. Tờ khai hải quan: Số 102875062252/A12 ngày 17 tháng 9 năm 2019.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Thương mại Polvita.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 1296/HQCPN-XNKK1 ngày 19 tháng 9 năm 2019.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 387/KĐ1-NV ngày 20 tháng 9 năm 2019.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Lê Khánh Hương.
8. **Kết quả phân tích:** Mẫu yêu cầu phân tích là thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thành phần gồm: hỗn hợp tinh dầu, mật ong, vitamin C, đường, axit citric, ..., dạng viên. Công dụng: hỗ trợ giúp bổ phế, làm dịu ho, làm dịu sự rát họng, khản tiếng và mất tiếng. Đóng gói 8 viên/ vi, 2 vi/hộp.
9. Mã số đề xuất: **2106.90.72.**

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT.



Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: **429** /TB-KĐ1

Hà Nội, ngày **10** tháng 10 năm 2019

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐẾN <small>CK</small>
Ngày: 16-10-2019
Chuyên: NK, NK, CK ...
Lưu hồ sơ số: Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định hải quan 1 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 102857826412/A12 ngày 07 tháng 9 năm 2019.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty Hữu hạn Công nghiệp Lâm Viên Vĩnh Phúc.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Vĩnh Phúc.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 52/HQVP-PTPL ngày 11 tháng 9 năm 2019.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 400/KĐ1-NV ngày 27 tháng 9 năm 2019.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Lê Quang Minh.
8. **Kết quả phân tích:** Kết quả phân tích và mã số phân loại theo Biểu thuế NK theo phụ lục đính kèm. ✓

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT.

CHE CỤC TRƯỞNG

Phấn Đình Nguyễn

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.




PHỤ LỤC

**Kèm theo Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số 429 /TB-KĐ1, ngày 10 tháng 10 năm 2019**

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 1: Dây thép không hợp kim, cán nguội, chưa được mạ phủ hoặc tráng, mác thép S40C đường kính 10.4mm, tiêu chuẩn JIS G4051, S40C-I3-10.40, hàm lượng Cacbon (0.37%<C<0.43%) (Hàng mới 100%)	Dây thép không hợp kim, hàm lượng C ≈ 0,377% tính theo trọng lượng, đường kính 10,4mm, chưa được tráng phủ, mạ hoặc sơn	7217.10.29	Số 2228/TB-TCHQ ngày 05 tháng 3 năm 2014
2	Mục 2: Dây thép không hợp kim, cán nguội, chưa được mạ phủ hoặc tráng, mác thép SAE1010 đường kính 16.2mm, tiêu chuẩn SAE J403, SAE1010-I3-16.20, hàm lượng Cacbon (0.08%<C<0.13%) (Hàng mới 100%)	Dây thép không hợp kim, hàm lượng C ≈ 0,0955% tính theo trọng lượng, đường kính 16,2mm, chưa được tráng phủ, mạ hoặc sơn	7217.10.10	Số 7140/TB-TCHQ ngày 13 tháng 6 năm 2014
3	Mục 3: Dây thép không hợp kim, cán nguội, chưa được mạ phủ hoặc tráng, mác thép SAE1010 đường kính 6.2mm, tiêu chuẩn SAE J403, SAE1010-I3-06.20, hàm lượng Cacbon (0.08%<C<0.13%) (Hàng mới 100%)	Dây thép không hợp kim, hàm lượng C ≈ 0,0792% tính theo trọng lượng, đường kính 6,2mm, chưa được tráng phủ, mạ hoặc sơn	7217.10.10	Số 7140/TB-TCHQ ngày 13 tháng 6 năm 2014
4	Mục 4: Dây thép hợp kim, cán nguội, chưa được mạ phủ hoặc tráng, mác thép SCM435 đường kính 6.2mm, tiêu chuẩn JIS G3509-1, SCM435-I3-06.20, hàm lượng: 0.33%<C<0.38%, 0.90<Cr<1.2%, 0.15<Mo<0.30%, mới 100%	Dây thép hợp kim, hàm lượng C ≈ 0,38%, Cr ≈ 0,892%, Mo ≈ 0,187%, B ≈ 0,0016% tính theo trọng lượng, đường kính 6,2mm, chưa được tráng phủ, mạ hoặc sơn	7229.90.91	Số 479/TB-TCHQ ngày 21 tháng 01 năm 2019

5	<p>Mục 5: Dây thép hợp kim, cán nguội, chưa mạ phủ, mác thép 10B23M đường kính 5.23mm, tiêu chuẩn SAE J403, 10B23M-B3-05.23 hàm lượng: Cr<0.3%, 0.0010%<Bo<0.0030%, 0.20%<C<0.26% (mã hàng tương ứng 9811.00.90) Hàng mới 100%</p>	<p>Dây thép hợp kim, hàm lượng C $\approx 0,256\%$, B $\approx 0,0021\%$ tính theo trọng lượng, trong đó Bo là nguyên tố duy nhất quyết định yêu tố thép hợp kim, đường kính 5,23mm, chưa được tráng phủ, mạ hoặc sơn</p>	<p>72229.90.20 (Mã số theo Phụ lục II, Mục II) Chương 98 là: 9811.00.90)</p>	<p>Số 1234/TB-TCHQ ngày 04 tháng 3 năm 2019</p>
---	---	---	--	---

CHỖ TRƯỞNG



Phan Đình Nguyễn

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 430 /TB-KĐ1

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2019

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐẾN S. 55140 ..

Ngày: 16-10-2019

Chuyển: DANH MỤC, NHẬP KHẨU

Lưu hồ sơ số:
Căn cứ

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số đề xuất

Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

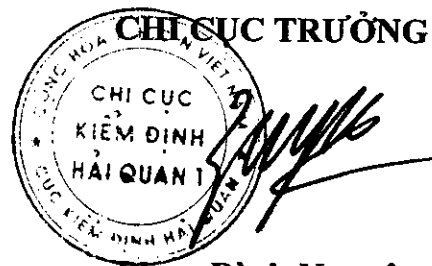
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Kiểm định, phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tổng cục Hải quan, Chi cục Kiểm định hải quan 1 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 102857826412/A12 ngày 07 tháng 9 năm 2019.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty Hữu hạn Công nghiệp Lâm Viên Vĩnh Phúc.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Vĩnh Phúc.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 52/HQVP-PTPL ngày 11 tháng 9 năm 2019.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 400/KĐ1-NV ngày 27 tháng 9 năm 2019.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Lê Quang Minh.
8. **Kết quả phân tích:** Kết quả phân tích và mã số đề xuất theo phụ lục đính kèm. ✓

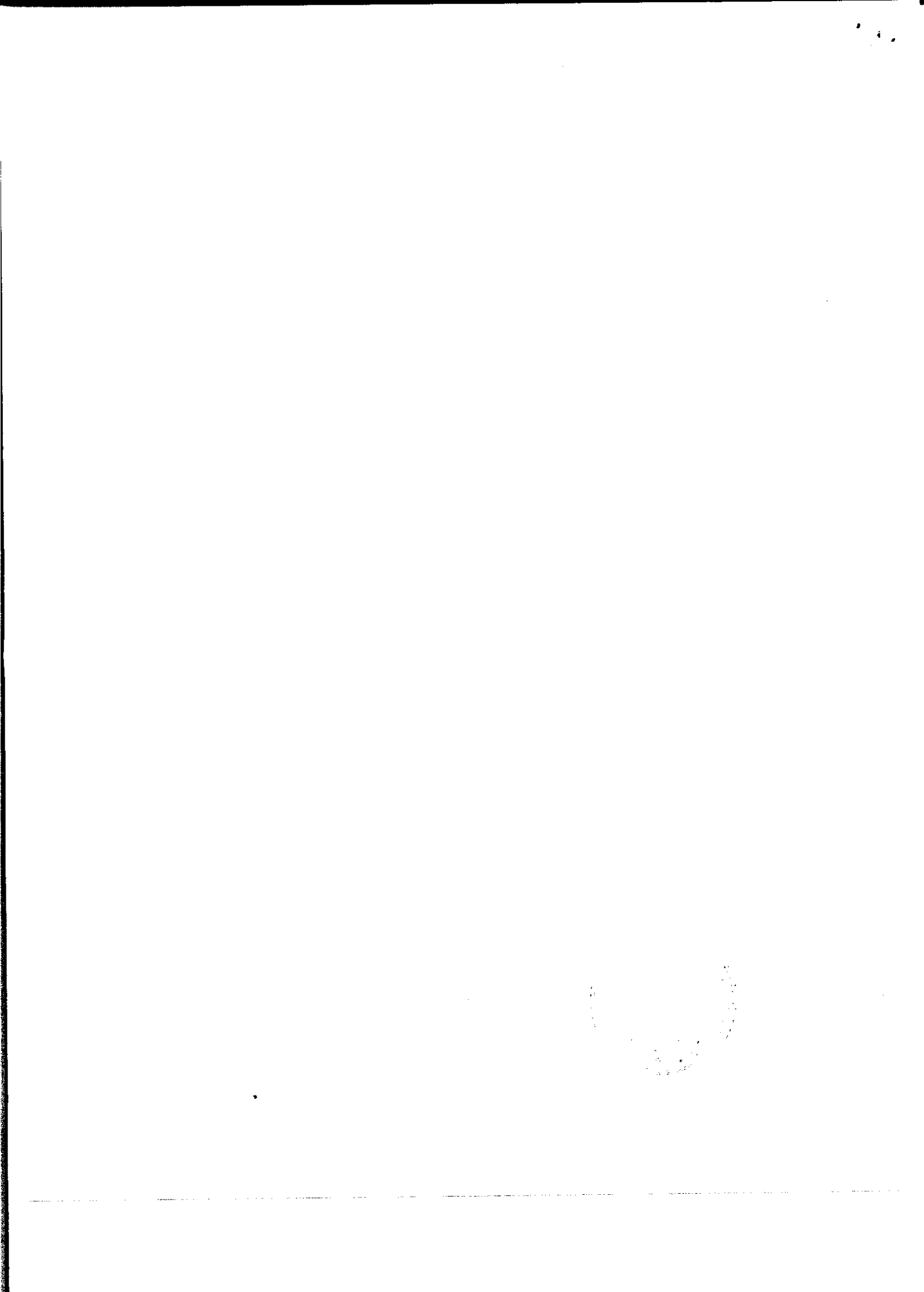
Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT.



Phan Đình Nguyên

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.



PHỤ LỤC

Kèm theo Thông báo kết quả phân tích kèm mã số đề xuất

Số 430/TB-KD1, ngày 10 tháng 10 năm 2019

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số đề xuất
1	Mục 6: Dây thép hợp kim, cán nguội, chưa mạ phủ, mác thép 10B23M đường kính 7.8mm, tiêu chuẩn SAE J403, 10B23M-B3-07.80 hàm lượng: Cr<0.3%, 0.0010%<Bo<0.0030%, 0.20%<C<0.26% (mã hàng tương ứng 9811.00.90) Hàng mới 100%	Dây thép hợp kim, hàm lượng C \approx 0,186%, Cr \approx 0,172%, B \approx 0,0019% tính theo trọng lượng, trong đó Bo là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim, đường kính 7,8mm, chưa được tráng phủ, mạ hoặc sơn	(Mã số theo Phụ lục II, Mục II Chương 98 là: 9811.00.90)
2	Mục 7: Dây thép hợp kim, cán nguội, chưa mạ phủ, mác thép 10B23M đường kính 9.8mm, tiêu chuẩn SAE J403, 10B23M-B3-09.80 hàm lượng: Cr<0.3%, 0.0010%<Bo<0.0030%, 0.20%<C<0.26% (mã hàng tương ứng 9811.00.90) Hàng mới 100%	Dây thép hợp kim, hàm lượng C \approx 0,186%, Cr \approx 0,182%, B \approx 0,0021% tính theo trọng lượng, trong đó Bo là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim, đường kính 9,8mm, chưa được tráng phủ, mạ hoặc sơn	7229.90.99 (Mã số theo Phụ lục II, Mục II Chương 98 là: 9811.00.90)

CHI CỤC TRƯỞNG

